

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 4089/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất sét làm gạch tuynel tại xã Yên Tâm, huyện Yên Định
(Trữ lượng tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2017)”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép số 225/GP-UBND ngày 01/6/2017 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Bò sữa Thống nhất Thanh Hóa được thăm dò khoáng sản đất sét làm gạch tuynel tại xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Bò sữa Thống nhất Thanh Hóa tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 09/8/2017;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 28/8/2017 và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1122/TTr-STNMT ngày 16/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất sét làm gạch tuynel trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất sét làm gạch tuynel tại xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 2,4 ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất sét làm gạch tuynel đã tính trong báo cáo;

Cấp 121: 99.323 m³;

3. Các khoáng sản đi kèm: Không.

4. Trữ lượng huy động vào thiết kế:

Cấp 121: 93.211 m³.

5. Cao độ tính trữ lượng thấp nhất: + 2,8 m.

6. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất sét làm gạch tuynel của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Văn phòng Bộ TN&MT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Bò sữa Thống nhất Thanh Hóa;
- TT Thông tin lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
DÂN PHÒNG CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

TỌA ĐỘ KHU VỰC THAM ĐO, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
ĐẤT SÉT LÀM GẠCH TÚYNEL TẠI XÃ YÊN TÂM, HUYỆN YÊN ĐỊNH,
TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 4089/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
Diện tích: 2,4 ha		
1	2216 009.92	555 163.60
2	2216 003.95	555 245.52
3	2215 981.79	555 241.46
4	2215 970.85	555 229.02
5	2215 955.82	555 240.40
6	2215 931.37	555 293.80
7	2215 901.25	555 300.00
8	2215 871.91	555 341.66
9	2215 852.71	555 327.94
10	2215 792.02	555 216.41
11	2215 893.06	555 176.02
12	2215 917.74	555 152.41
13	2215 942.27	555 114.33

THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOẢNG SẢN ĐẤT SÉT LÀM GẠCH TUYNEL
TẠI XÃ YÊN TÂM, HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 4089/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	I-121	+ 2,8	9.356	
2	II-121	+ 2,8	39.631	
3	III-121	+ 2,8	50.336	
Tổng 121			99.323	